

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 647/2017/HSPT

Ngày: 12/12/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoài Nam.

Các Thẩm phán:

1. Ông Phan Thanh Nguyễn
2. Bà Phạm Uyên Thy

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng Nhung - Cán bộ
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Ông Lê Trung Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 625/HSPT ngày 02/11/2017 đối với bị cáo Trương Hữu T do có kháng cáo của bị cáo Trương Hữu T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 161/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Trương Hữu T, sinh năm 1960 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 32/19/2 B, Phường a, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: nhà không số, tổ d, ấp e, xã L, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ học vấn: 9/12; Con ông: A1 (chết) và bà A2 (chết); Vợ: A3; 01 người con, sinh năm 1985;

Nhân thân: Bản án số 519/HSST ngày 19/10/1999 Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản công dân”, thời hạn thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án;

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam: 27/02/2017. (có mặt)

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Tân Bình thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 23/02/2017, chị B1 gửi xe mô tô hiệu SH biển số 59V2 – 22989 tại bãi xe của chung cư, địa chỉ 91 G, Phường b, quận A, Thành

phố Hồ Chí Minh có để quên chìa khóa trên xe. Đêm cùng ngày, Trương Hữu T là bảo vệ chung cư đi tuần tra phát hiện chìa khóa xe của chị B1 để quên nên lấy chiếc chìa khóa này với mục đích sử dụng để chiếm đoạt chiếc xe trên đem đi bán. Sang ngày 24/02/2017, chị B1 lấy xe phát hiện mất chìa khóa nên thay cảm ứng mới.

Tối ngày 25/02/2017, chị B1 đi làm về gửi xe vào bãi xe chung cư. Khoảng 01 giờ ngày 26/02/2017, trong ca trực bảo vệ của mình, Trương Hữu T lấy chiếc xe mô tô SH biển số 59V2 – 22989 dắt lên khu vực hành lang tầng trệt chung cư. Khoảng 02 giờ cùng ngày, Trương Hữu T thuê xe ôm đẩy xe đến gửi tại bệnh viện D, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi xong ca trực bảo vệ, Trương Hữu T đi bộ đến bệnh viện D để lấy xe ra, đem gửi tại quán cà phê tại địa chỉ: F1/13 ấp e, xã L, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh. Tối ngày 26/02/2017, khi Trương Hữu T trở lại nơi làm việc thì bị công an Phường b, quận A mời về trụ sở làm việc.

Tại cơ quan điều tra, Trương Hữu T khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Ngoài ra Trương Hữu T còn khai nhận còn thực hiện 01 vụ khác vào ngày 17/01/2017 và 06/02/2017 cùng tại địa chỉ trên như sau:

Vụ thứ nhất: Anh QD có gửi xe gắn máy hiệu Wave RSX biển số 76U1-7669 ở chung cư để về quê ăn Tết. Ngày 17/01/2017, Trương Hữu T lấy trộm chiếc xe gắn máy Wave biển số 76U1-7669 của anh QD, đem bán cho một người chạy xe ba gác không rõ nhân thân lai lịch được 1.000.000 đồng tại trước số nhà 45 Đường E, Phường c, quận A.

Đến ngày 02/02/2017 thì anh QD vào Thành phố Hồ Chí Minh lấy xe đi làm thì không tìm thấy xe nên liên hệ với bãi giữ xe và trình báo Công an phường xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận A đã tiến hành xác minh nhưng không thu hồi được tang vật do không xác định được người mua chiếc xe gắn máy tại địa điểm trên. Qua kiểm tra dữ liệu thì phát hiện xe gắn máy biển số 76U1-7669 có gửi vào ngày 17/01/2017 nhưng không thấy có dữ liệu xe rời khỏi bãi. Sau đó, giữa Công ty TNHH Công ích N (Công ty N) nơi giữ xe và anh QD có thương lượng về việc bồi thường cho anh QD số tiền 10.000.000 đồng và anh QD đã đưa giấy tờ đăng ký xe cho công ty N. Sau này tìm được xe, anh QD muốn nhận lại xe thì anh QD phải làm thủ tục mua bán sang nhượng cho Công ty N.

Vụ thứ hai: Vào ngày 21/01/2017, do gần Tết và đang dọn nhà để ăn Tết nên anh NTL có để xe đạp điện hiệu Asama tại bãi xe chung cư 91 G, Phường b, quận A. Ngày 06/02/2017, Trương Hữu T lấy trộm chiếc xe hiệu Asama của anh NTL đem bán tại cửa hàng xe đạp điện số 62A H, phường K, quận I. Ngày 06/02/2017, anh C1 là nhân viên bãi giữ xe không thấy xe đạp của anh NTL nên đã báo cho anh NTL biết. Ngày 26/02/2017, khi công ty N báo cho anh NTL biết Công an Phường b, quận A đã bắt được người lấy xe đạp của anh NTL thì anh NTL đến Công an Phường b, quận A trình báo sự việc. Cơ quan cảnh sát Điều tra quận A đã tiến hành xác minh nhưng không thu giữ được xe đạp điện do chủ cửa hàng không thừa nhận việc mua xe đạp điện của Trương Hữu T. Qua làm

việc, anh NTL chỉ yêu cầu lấy lại hoặc bồi thường cho anh NTL số tiền 4.000.000 đồng. Ngoài ra anh NTL không có yêu cầu gì khác.

Kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận A kết luận xe gắn máy SH mode biển số 59V1-22989 trị giá 54.000.000 đồng; 01 xe gắn máy hiệu Wave RSX biển số 76U1-7669 trị giá 10.000.000 đồng; 01 xe đạp điện Asama trị giá 4.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 68.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 161/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trương Hữu T, phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm g, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Trương Hữu T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/02/2017.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng và án phí.

Ngày 09/10/2017 bị cáo Trương Hữu T làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích những tình tiết giảm nhẹ, đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo làm đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định là hợp lệ.

Xét, về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ như: các biên bản hoạt động điều tra, biên bản hỏi cung bị can, bản tường trình, bản tự khai, lời khai của người bị hại, kết luận định giá tài sản... nên có đủ cơ sở xác định bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định bản án sơ thẩm đã áp dụng đúng các căn cứ pháp luật để xử phạt bị cáo, xét không có tình tiết gì mới đề có thể cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết gì mới. Xét, tính chất mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo thì

mức án tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo Trương Hữu T 04 (bốn) năm tù là phù hợp.

Từ những nhận định trên, xét kết luận của đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị nên giữ nguyên.

Vì các lẽ nêu trên,

Áp dụng điểm a Khoản 2, Khoản 3 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Trương Hữu T**, giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Tuyên bố bị cáo **Trương Hữu T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 45 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo **Trương Hữu T** 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/02/2017.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- VKSND TP-HCM; (3)
- TA ND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- THA-DS quận Tân Bình; (1)
- VKSND quận Tân Bình; (1)
- TAND quận Tân Bình; (2)
- Công an quận Tân Bình; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam Chí Hòa PC81B (1)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu, hình sự, hồ sơ. (24) (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Hoài Nam

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.